

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày: 21/6/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Thông - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 3, thị trấn Đ, tỉnh G.

Bà Nguyễn Thị Chín - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 1, thị trấn Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. S. Sinh năm 1992 tại tỉnh G. Giới tính: N. Nơi cư trú: Làng Weh, xã Hà Bàu, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Jrai. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Rơ Mah Mlek và bà Pheh. Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Queh (từ năm 2012 đến năm 2013). Tiền án: 03 (về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” theo Bản án số 458/2009/HSPT ngày 24/9/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; về tội “*Trộm cắp T sản*” theo Bản án số 11/2014/HSST ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ; về tội “*Trộm cắp T sản*” theo Bản án số 14/2014/HSST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện IaGrai). Tiền sự: Không. Ngày 02/12/2020 bị cáo bị tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

2. Kh. Sinh năm 1997 tại tỉnh G. Giới tính: N. Nơi cư trú: Làng Kdập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Jrai. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Không đi học. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Yuurnh và bà

Khởi. Bị cáo chưa có vợ. Tiền án: 02 (về tội “*Trộm cắp T sản*” theo Bản án số 31/2016/HSST ngày 25/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ; về tội “*Trộm cắp T sản*” theo Bản án số 06/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ). Tiền sự: Không. Ngày 02/12/2020 bị cáo bị tạm giữ và tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

3. Hư. Sinh năm 1998 tại tỉnh G. Giới tính: N. Nơi cư trú: Làng Ngol, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Jrai. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Hren và bà Hyõi. Bị cáo có vợ là Hoai. Tiền án: 01 (về tội “*Cướp giật T sản*” theo Bản án số 27/2018/HSST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ). Tiền sự: Không. Ngày 22/11/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. K. Sinh năm 2000 tại tỉnh G. Giới tính: N. Nơi cư trú: Làng Bông Bao, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Jrai. Tôn giáo: Tin Lành. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Sep và bà Hok. Bị cáo có vợ là Loan. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Từ ngày 03/12/2020 đến ngày 12/12/2020 bị tạm giữ. Ngày 11/12/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Đ. Sinh năm 2000 tại tỉnh G. Giới tính: N. Nơi cư trú: Làng Ngol, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Jrai. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Hien (đã chết) và bà Hyãi. Bị cáo có vợ tên Thơ. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Ngày 22/11/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Pa. Sinh ngày 13/01/2004 tại tỉnh G. Giới tính: N. Nơi cư trú: Làng Kđập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Jrai. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 3/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Yok và bà Pih. Bị cáo chưa có vợ. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Ngày 25/01/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Kh, Đ, Pa, Hư:* Bà Nguyễn Hoàng Kim Loan - Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Pa đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Yok, sinh năm 1978. Trú tại: Làng K’đập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- *Bị hại:*

Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn 1, xã N Yang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Lê Xuân V, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn 3, xã Đak Krong, huyện Đ, G. Vắng mặt.

Anh Vũ Hải N, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 13, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn 8, xã Ia Tô, huyện Đ, G. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị H'Khuc, sinh năm 2000. Trú tại: Làng Bông Bao, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G. Vắng mặt.

Chị Trần Thị Thúy Kiều, sinh năm 1970. Trú tại: Làng Bông Phun, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị H'Jễn, sinh năm 1987. Trú tại: Làng Phun Râu, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Hin, sinh năm 1996. Trú tại: Làng K'dập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Anh Ni, sinh năm 2000. Trú tại: Làng K'dập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Anh Đoái, sinh năm 1999. Trú tại: Làng K'dập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Chị Lê Thị Hường, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn 8, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông K Linh. Trú tại: 190 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/9/2020 đến ngày 29/11/2020, bị cáo S đã thực hiện 01 lần trộm cắp T sản trên địa bàn huyện Ia Grai, tỉnh G và cùng các bị cáo Kh, Đ, Hư, K, Pa thực hiện 03 lần trộm cắp T sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh G, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ ngày 19/9/2020, sau khi đi thăm người quen tại xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh G, S xin đi nhờ xe của một người đi đường về huyện Đ, tỉnh G (S không quen biết và không nhớ đặc điểm của người này). Đến khoảng 16 giờ 30 phút, khi đang đi trên đường qua địa phận Thôn 8, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh G, S phát hiện trong sân nhà của bà Lê Thị Hường (sinh năm 1979) có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang biển kiểm soát (BKS) 81B2 – 355.13 của anh Nguyễn Trọng S (sinh năm 1997, trú tại thôn 8, xã Ia Tô,

huyện Ia Grai, tỉnh G, gửi nhờ bà Hoàng trông coi), chìa khóa vẫn cắm sẵn trên ổ khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. Vì vậy S nói người đàn ông cho đi nhờ dừng xe để S xuống. Sau khi đợi người đàn ông trên đi xa thì S đi bộ quay lại nhà bà Hoàng, tại đây S thấy cổng nhà mở nhưng không có người trông coi, nên S đã lên lút tiếp cận xe mô tô, dắt ra ngoài được một đoạn rồi khởi động xe và điều khiển đi về hướng huyện Đ. Khi đi được một đoạn thì S dừng xe lại, bẻ gãy BKS vút vào ven đường rồi tiếp tục điều khiển xe đi về huyện Đ. Sau đó, S sử dụng chiếc xe để làm phương tiện đi lại cá nhân và thực hiện các vụ trộm cắp T sản khác trên địa bàn huyện Đ, tỉnh G. Qua định giá, Hội đồng định giá huyện IaGrai xác định tại kết luận định giá T sản số 03 ngày 15/01/2020 xác định T sản bị trộm cắp trị giá 12.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 21/9/2020, S, Hư, Đ và một số người bạn cùng ăn uống tại nhà của Hin (Sinh năm 1996) thuộc làng Kdập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, S rủ Hư và Đ đi cùng đến xã N Yang, huyện Đ, tỉnh G, để lấy đồ bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius không gắn BKS (xe do S trộm cắp vào ngày 19/9/2020) do Đ điều khiển. Hư và Đ có hỏi lấy cái gì ở đâu nhưng S không nói rõ. Khi đến một con đường đất thuộc Thôn 1, xã N Yang, cạnh vườn cà phê cách nhà anh Huỳnh Ngọc T (Sinh năm 1991) khoảng 100m, S nói Hư và Đ đứng chờ. S đi qua vườn cà phê vào nhà anh Huỳnh Ngọc T đến khu vực chuồng heo, dùng 01 que củi có sẵn ở dưới đất, đập vào đầu 01 con heo nặng khoảng 30kg rồi ôm ra ngoài. Khi thấy S đi ra ôm trên tay một con heo, Đ và Hư hỏi nguồn gốc con heo thì S lớn tiếng nói “Im đi” rồi nói Đ và Hư nhanh chóng lên xe đi. Lúc này, Đ và Hư biết con heo là do S trộm cắp mà có nhưng không có lời nói hay hành động gì phản đối. Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô chở S và Hư đi về xã Hneng, huyện Đ, được nửa đường thì S nói mang giấu con heo tại nghĩa địa của làng Kdập, xã Hneng, huyện Đ, nên Đ điều khiển xe về nhà trước còn S và Hư mang con heo đi cất giấu. Sau đó, S và Hư đi bộ về nhà của Đ lấy xe mô tô, rồi cả hai quay lại nghĩa địa lấy con heo bỏ vào bao chuân bị từ trước và mang đến nhà Ksor Chu (Sinh năm 1979) tại làng Kdập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G, nói là heo chết được người khác cho nên làm thịt để ăn uống, rồi S điều khiển xe mô tô đi khỏi nhà Ksor Chu. Hư rủ thêm, Hin, Đ, Ni (Sinh năm 2000), Đoái (Sinh năm 1999) và Kh (Sinh năm 1997) trú cùng làng, đến nhà Ksor Chu để làm thịt heo. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì tất cả bị lực lượng Công an xã Hneng phát hiện và thu giữ 17kg thịt và xương heo, 07kg nội tạng heo và 05 con dao sử dụng để làm thịt heo. Đối với toàn bộ số thịt heo và nội tạng heo đã trao trả lại cho chủ sở hữu là anh Huỳnh Ngọc T. Qua định giá, Hội đồng định giá huyện Đ xác định tại kết luận định giá T sản số 159 ngày 07/12/2020 con heo bị trộm cắp trị giá 3.750.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 22/10/2020, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius (xe do S trộm cắp vào ngày 19/9/2020) chở theo Kh đi từ làng Kdập, xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G để đi dạo chơi. Khi đi ngang qua phía trước trại nuôi heo của ông Lê Xuân V (sinh năm 1796, trú tại Thôn 3, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G) tại làng Klot, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G, thì nghe thấy tiếng heo kêu nên Kh rủ S trộm cắp heo ở đây và S đồng ý. S dừng xe lại, cả hai dùng tay phá cửa ra vào làm bằng lưới B40, đột nhập vào trong, bắt 03 con heo trong chuồng (loại heo lai, màu trắng, nặng khoảng 40kg/con), rồi S lấy 03 bao cước có sẵn tại đây bỏ mỗi con vào một bao và buộc miệng bao lại. Sau đó, S và Kh cùng nhau khiêng 03 bao đựng heo lên xe, 01 bao đặt tại gác-ba-ga xe và 02 bao còn lại đặt ở yên xe do Kh ngồi sau giữ, còn S điều khiển xe đi về cất giấu tại bụi cây thuộc làng Nủ, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G. Đến ngày 23/10/2020, hai bị cáo bán lại 03 con heo trộm cắp được cho chị H'Khuc (sinh năm 2000, trú tại làng Bông Bao, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G) lấy số tiền 9.000.000đồng, S chia cho Kh số tiền 1.000.000đồng, còn lại cả hai sử dụng chung và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, chị H'Khuc mới biết 03 con heo đã mua là T sản do phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp lại. Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại 03 con heo trên cho chủ sở hữu là ông Lê Xuân V. Qua định giá, Hội đồng định giá huyện Đ xác định tại kết luận định giá T sản số 177 ngày 07/12/2020 03 con heo bị trộm cắp trị giá 9.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 21 giờ ngày 29/11/2020, S, K, Kh và Pa cùng ngồi uống rượu tại nhà người quen của S tại làng Weh, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G, đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì tất cả đi về. S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius (xe do S trộm cắp vào ngày 19/9/2020) chở theo K còn Kh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade mang BKS 81B2-709.99 của Pa chở theo Pa. Trên đường đi về, Kh nói với cả nhóm là biết 01 trang trại nuôi heo ở xã Hà Bầu thì S rủ cả nhóm đi đến đó trộm cắp và tất cả đồng ý. Khi đi đến trang trại heo của anh Vũ Hải N (sinh năm 1976, trú tại Tổ 13, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh G) tại làng Ring Rai, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G, thấy trại heo không có người trông coi nên cả nhóm để xe tại vườn cà phê gần đó rồi đi bộ băng qua 01 vườn tiêu để đi vào phía sau chuồng heo. Thấy cửa ở nhà kho đã bị vỡ từ trước nên K dùng đá tiếp tục đập cho khoảng hở rộng ra rồi S và K chui vào trong lấy ra 01 đầu thu camera, 01 bộ thiết bị phát Wifi, 02 thiết bị cảm ứng nhiệt độ IOT. Sau đó, S chui vào chuồng heo thông qua tấm lưới phía sau, trèo lên lấy mắt camera gắn phía trên cao xuống rồi dùng đá phá cửa để tất cả đi vào chuồng heo, dùng bao cước có sẵn bắt 06 con heo bỏ vào bao rồi khiêng đưa ra để ngoài đường. Tiếp đến, S nói với K và Pa quay lại nhà kho lấy trộm một chiếc máy cắt cỏ và máy bơm nước để S và Kh đi lấy xe mô tô, nên K quay lại lấy trộm 01 máy cắt cỏ còn Pa lấy trộm 01 máy bơm nước. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở theo Pa cùng 02 con heo và 01 máy cắt

cỏ; S điều khiển xe mô tô chở theo Kh cùng 04 con heo, 01 máy bơm nước, 01 đầu thu camera, 01 bộ thiết bị phát Wifi, 02 thiết bị cảm ứng nhiệt độ IOT và 01 mắt camera. Trên đường đi, Kh đã vớt các T sản gồm 01 đầu thu camera, 01 bộ thiết bị phát Wifi, 02 thiết bị cảm ứng nhiệt độ IOT và 01 mắt camera xuống suối thuộc xã Hà Bầu. Cả nhóm vận chuyển T sản trộm cắp được đi đến gửi tại nhà chị HJễn (sinh năm 1987) là người quen của S tại làng Phun Râu, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh G. Lúc này có một con heo đã chết nên cả nhóm làm thịt ăn hết tại một ngôi nhà bỏ hoang thuộc làng Châm Prông, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Đối với 05 con heo còn lại, S nhờ chị HJễn bán giúp nên chị HJễn đã bán cho bà Trần Thị Thúy Kiều (Sinh năm 1970, trú tại Làng Bông Phun, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh G) với số tiền 11.500.000 đồng nhưng chưa đưa tiền cho S mà chỉ đưa cho Kh 500.000 đồng. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, chị HJễn và bà Kiều mới biết 05 con heo trên là T sản do phạm tội mà có nên bà Kiều đã tự nguyện giao nộp lại 05 con heo và chị HJễn tự nguyện giao nộp lại 01 máy bơm nước và 01 máy cắt cỏ cùng số tiền 11.000.000đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại 05 con heo, 01 máy bơm nước và 01 máy cắt cỏ trên cho chủ sở hữu là ông Vũ Hải N. Qua định giá, Hội đồng định giá huyện Đ xác định tại kết luận định giá T sản số 178 ngày 07/12/2020 các T sản bị mất trộm có tổng trị giá 26.882.000 đồng.

Ngày 02/12/2021, S bị bắt theo lệnh truy nã và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên trong đó có sự tham gia trộm cắp T sản của các bị cáo Kh, K và Pa vào các ngày 22/10/2020 và ngày 29/11/2020. Trên cơ sở đó, CQĐT đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Kh, K đồng thời thu giữ 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius không gắn BKS do S trộm cắp vào ngày 19/9/2020 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade mang biển kiểm soát 81B2 – 709.99.

** Vật chứng:*

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius không gắn BKS do S trộm cắp vào ngày 19/9/2020, quá trình điều tra xác định là T sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Trọng S nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade mang biển kiểm soát 81B2 – 709.99, quá trình điều tra xác định là T sản của ông Yok (cha bị cáo Pa). Khi Pa sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội ông Yok không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho ông Yok.

- Đối với 05 con dao thu giữ tại nhà của Ksor Chu, đã sử dụng làm công cụ để làm thịt heo trộm cắp mà có đã chuyển theo vụ án để xử lý theo quy định.

- Đối với số tiền 11.000.000đồng là số tiền có được do bán T sản trộm cắp đã chuyển theo vụ án để xử lý theo quy định.

** Về dân sự:*

- Anh Nguyễn Trọng S yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại số tiền 7.000.000 đồng. Hiện bị cáo S chưa bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo S đồng ý bồi thường số tiền trên.

- Anh Huỳnh Ngọc T yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 2.850.000đ. Bị cáo Đ, Hư đã bồi thường mỗi người 950.000 đồng. Hiện bị cáo S chưa bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo S đồng ý bồi thường số tiền trên.

- Anh Lê Xuân V đã nhận lại T sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Vũ Hải N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.600.000 đồng. Bị cáo K, Kh và Pa đã bồi thường 1.400.000 đồng/1 bị cáo. Hiện các bị cáo S chưa bồi thường. Anh N có đơn không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

- Chị H'Khuc yêu cầu bồi thường số tiền 11.170.000 đồng. Hiện các bị cáo S và Kh chưa bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo S và bị cáo Kh đồng ý bồi thường.

- Chị Trần Thị Thúy Kiều yêu cầu bồi thường số tiền 11.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo S về tội “*Trộm cắp T sản*” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Kh, Đ, Hư, K, Pa về tội “*Trộm cắp T sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo S và các bị cáo Kh, Đ, Hư, K, Pa và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo S từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kh từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hư từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo K từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Pa từ 06 (sáu) tháng đến 07 (bảy) tháng tù.

Bị cáo Kh phải nộp lại số tiền bán T sản trộm cắp mà có là 500.000đồng để trả lại cho chị Kiều.

Vật chứng:

- Đối với 05 con dao thu giữ tại nhà của Ksor Chu. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy;

- Đối với tiền ngân hàng Nhà nước Việt N 11.000.000đồng, đề nghị trả lại số tiền 11.000.000đồng cho chị Trần Thị Thúy Kiều.

Về dân sự:

- Đề nghị HĐXX buộc: bị cáo S phải bồi thường cho anh S số tiền 7.000.000 đồng; bị cáo S phải bồi thường cho ông T số tiền 950.000 đồng; bị cáo S và Kh liên đới phải bồi thường cho chị H'Khuc số tiền 11.170.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 11.500.000đồng của chị Trần Thị Thúy Kiều.

Về án phí: Các bị cáo S, Kh và K phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo Hư, Đ và Pa thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo S và bị cáo Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Kh, Hư, Đ, Pa thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Về khung hình phạt đối với các bị cáo thì người bào chữa xét thấy Viện kiểm sát đề nghị quá nghiêm khắc, vì: Đối với bị cáo Hư và bị cáo Đ là lao động chính trong gia đình, các bị cáo nghe theo sự xúi giục của bị cáo S phạm tội với vai trò là thứ yếu, số tiền chiếm đoạt là 3.750.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo Hư, Đ, Pa thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo Đ và bị cáo Pa có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo Pa khi phạm tội dưới 18 tuổi. Từ nHư phân tích nêu trên, người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo Kh mức án không quá 02 (hai) năm tù; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Hư, đề nghị cho bị cáo Hư mức án không quá 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ, đề nghị cho bị cáo Đ mức án 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; cho bị cáo Pa mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ cũng đủ tính chất răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo K không đồng ý về khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, bị cáo ý kiến khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc và xin hưởng án treo.

Các bị cáo Kh, Hư, Đ và Pa không có ý kiến bổ sung gì đối với bản luận cứ người bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ chấp nhận áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Hư và bị cáo Đ. Giữ nguyên mức đề nghị khung hình phạt cho các bị cáo Kh, Hư, Đ, Pa và K.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và nHư người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào ngày 19/9/2020, tại Thôn 8, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh G, bị cáo S đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang BKS 81B2 – 355.13 của anh Nguyễn Trọng S trị giá 12.000.000 đồng.

Vào ngày 21/9/2020, tại Thôn 1, xã N Yang, huyện Đ, tỉnh G, các bị cáo S, Hư, Đ đã trộm cắp 01 con heo của ông Huỳnh Ngọc T trị giá 3.750.000 đồng.

Vào ngày 22/10/2020, tại làng Klot, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G, hai bị cáo S và Kh trộm cắp 03 con heo của ông Lê Xuân V trị giá 9.000.000 đồng.

Vào ngày 29/11/2020, tại làng Rìng Rai, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G, các bị cáo S, K, Kh Pa đã trộm cắp 01 đầu thu camera, 01 bộ thiết bị phát Wifi, 02 thiết bị cảm ứng nhiệt độ IOT, 01 mắt camera, 06 con heo, 01 máy bơm nước, 01 máy cắt cỏ của ông Vũ Hải N, các T sản bị chiếm đoạt có tổng trị giá 26.882.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về T sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt T sản của người khác trị giá trên 2.000.000 đồng, trong đó bị cáo Kh chiếm đoạt T sản có tổng trị giá 35.882.000 đồng, bị cáo Hư và Đ chiếm đoạt T sản có trị giá 3.750.000 đồng, bị cáo K và Pa chiếm đoạt T sản có tổng trị giá 26.882.000 đồng, vì vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “*Trộm cắp T sản*” theo định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo S chiếm đoạt T sản có tổng trị giá 51.632.000 đồng, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên đã phạm vào tội “*Trộm cắp T sản*” theo định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người,

đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo S có nhân thân xấu, bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Kh phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hư phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng 05 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Pa có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được

bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Pa phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng nHư tình tiết giảm nhẹ đặc biệt quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Bị cáo S một mình thực hiện trộm cắp 01 vụ thứ nhất; rủ rê, khởi xướng 02 vụ và tham gia trộm cắp vụ thứ tư với vai trò giúp sức, quá trình phạm tội rất tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, do vậy phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Kh, Hư, K, Đ và Pa. HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Kh là đồng phạm trực tiếp thực hiện tích cực hành vi phạm tội, rủ rê và khởi xướng trộm cắp T sản vụ thứ ba. Vì vậy, bị cáo Kh phải nhận mức án tương xứng với hành vi, vai trò của mình.

Đối với các bị cáo Hư, K, Đ và Pa là đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức. Vì vậy, bị cáo Hư, K, Đ và Pa phải nhận mức án tương xứng với hành vi, vai trò của mình.

Qua xem xét quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bị cáo Đ và bị cáo Pa có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Đ và bị cáo Pa được hưởng án treo để tạo điều kiện cho các bị cáo được rèn luyện bản thân thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo K xin hưởng án treo. HĐXX không chấp nhận, xét thấy số tiền bị cáo K chiếm đoạt gây thiệt hại lớn là 26.882.000đồng, quá trình phạm tội rất tích cực (dùng đá đập cửa chui vào trộm cắp T sản và trực tiếp chiếm đoạt 01 máy cắt cỏ). Vì vậy cần áp dụng cho bị cáo K mức án tù giam mới đủ tính chất răn đe giáo dục đối với bị cáo.

Đối với Ksor Chu, là người đã đồng ý cung cấp địa điểm, công cụ để mổ heo và nHư người đã cùng làm thịt heo trộm cắp được là Hin, Ni, Đoái và Kh đều không biết đây T sản do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý là có cơ sở.

Đối với chị H'Jên là người đã cho các bị cáo gửi T sản trộm cắp tại nhà và bán giúp T sản trộm cắp cho các bị cáo S, nhưng chị H'Jên không biết đây T sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Đối với người đã mua lại T sản các bị cáo trộm cắp được là chị H'Khuc và chị Trần Thị Thúy Kiều, nhưng đều không biết đây T sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Bị cáo Kh phải nộp lại số tiền bán T sản trộm cắp mà có là 500.000đồng để trả lại cho chị Kiều.

[5] Về vật chứng:

Đối với 05 con dao (gồm: 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 16cm, rộng 3 cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, rộng 2,5cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 15cm, rộng 3 cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, rộng 2,3cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 16cm, rộng 3 cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, rộng 3cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 16,5cm, rộng 3 cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 09cm, rộng 2cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 11cm, rộng 2,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 9,5cm, rộng 2cm) thu giữ tại nhà của Ksor Chu, các bị cáo đã sử dụng làm công cụ để làm thịt heo trộm cắp. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 11.000.000đồng là số tiền các bị cáo S, K, Kh và Pa bán T sản trộm cắp 05 con heo của anh N mà có. Anh Vũ Hải N đã nhận bồi thường, và không yêu cầu bồi thường gì khác. Chị Trần Thị Thúy Kiều yêu cầu bồi thường số tiền 11.500.000đồng. Vì vậy, trả lại số tiền 11.000.000đồng cho chị Trần Thị Thúy Kiều là có cơ sở.

[6] Về dân sự:

- Anh Nguyễn Trọng S yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại số tiền 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo S đồng ý bồi thường số tiền trên. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu anh S, buộc bị cáo S phải bồi thường cho anh S số tiền 7.000.000 đồng.

- Anh Huỳnh Ngọc T yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 950.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo S đồng ý bồi thường số tiền trên. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc bị cáo S phải bồi thường cho anh T số tiền 950.000 đồng.

- Anh Lê Xuân V đã nhận lại T sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy HĐXX không xem xét.

- Anh Vũ Hải N đã nhận bồi thường của bị cáo Pa, K và Kh, và có đơn không yêu cầu bồi thường gì khác. Vì vậy HĐXX không xem xét.

- Chị H'Khuc yêu cầu bồi thường số tiền 11.170.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo S và bị cáo Kh đồng ý bồi thường. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H'Khuc, buộc các bị cáo S và Kh liên đới phải bồi thường cho chị H'Khuc số tiền 11.170.000 đồng.

- Chị Trần Thị Thúy Kiều yêu cầu bồi thường số tiền 11.500.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Tại phần xử lý vật chứng HĐXX đã đề nghị: trả lại cho chị Kiều số tiền 11.000.000đồng mà chị Kiều đã giao nộp; bị cáo Kh phải nộp lại số tiền bán T sản trộm cắp là 500.000đồng để trả lại cho chị Kiều.

Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo S, Kh và K phải chịu theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Hư, Đ và Pa có giấy chứng nhận hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy, các bị cáo Hư, Đ và Pa được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo S và bị cáo Kh phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kh;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52 của luật Hình sự đối với bị cáo Hư;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Pa;
- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Điều 584; 586; 589 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 143; 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo S, Kh, Hư, K, Đ và Pa phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo S 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/12/2020).

Xử phạt bị cáo Kh 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/12/2020).

Xử phạt bị cáo Hư 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo K 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ (từ ngày 03/12/2020 đến ngày 12/12/2020).

Xử phạt bị cáo Đ 07 (*bảy*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*mười bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2021).

Xử phạt bị cáo Pa 06 (*sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2021).

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G và giao bị cáo Pa cho Ủy ban nhân dân xã Hneng, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Kh phải nộp lại số tiền 500.000đồng (*năm trăm nghìn đồng*) bán T sản trộm cắp mà có để trả lại cho chị Trần Thị Thúy Kiều.

3. Về xử lý vật chứng:

Tuyên:

Tịch thu tiêu hủy đối với 05 con dao gồm: 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 16cm, rộng 3 cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, rộng 2,5cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 15cm, rộng 3 cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, rộng 2,3cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 16cm, rộng 3 cm, cán dao bằng gỗ dài 12cm, rộng 3cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 16,5cm, rộng 3 cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 09cm, rộng 2cm; 01 con dao, lưỡi bằng kim loại dài 11cm, rộng 2,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 9,5cm, rộng 2cm.

Trả lại tiền ngân hàng Nhà nước Việt N 11.000.000đồng (*mười một triệu đồng*) cho chị Trần Thị Thúy Kiều.

Theo biên bản V/v giao nhận vật chứng, T sản ngày 11/5/2021 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ.

4. Về dân sự:

Buộc bị cáo S phải bồi thường tổng số tiền là 13.535.000đồng (*mười ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), cụ thể bồi thường cho anh Nguyễn Trọng S số tiền 7.000.000đồng, ông Huỳnh Ngọc T số tiền 950.000đồng và chị H'Khúc số tiền là 5.585.000đồng.

Buộc bị cáo Kh phải bồi thường cho chị H'Khúc số tiền là 5.585.000đồng (*năm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

5. Về án phí:

Xử buộc các bị cáo S, Kh và K mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 676.750đồng (*sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Bị cáo Kh phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*)

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2021), các bị cáo, nHư người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

